

Số: 006/2026/BC.ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 76/2025/QH15 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang được ban hành ngày 19/04/2021.

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang đã được Chi Nhánh Công Ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam kiểm toán. Tài liệu Báo cáo đã đăng tải trên website của Công ty: www.dhgpharma.com.vn và website của SGĐCK Tp.HCM: www.hsx.vn. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2025, Hội đồng quản trị chỉ xin trình bày trước Đại hội Báo cáo tài chính năm 2025 đã tóm tắt của Công ty như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Khoản mục	01/01/2025 (VNĐ)	31/12/2025 (VNĐ)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.959.243.276.265	5.173.881.628.997
A	Tài sản ngắn hạn	4.604.003.766.930	3.888.768.378.369
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	62.857.547.612	129.895.664.996
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.745.000.000.000	2.024.000.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	656.735.934.274	684.251.160.726
IV	Hàng tồn kho	1.115.429.265.990	1.024.618.562.192
V	Tài sản ngắn hạn khác	23.981.019.054	26.002.990.455
B	Tài sản dài hạn	1.355.239.509.335	1.285.113.250.628
I	Các khoản phải thu dài hạn	205.000.000	5.608.830.169
II	Tài sản cố định	1.195.866.733.467	1.142.828.934.460
III	Bất động sản đầu tư	30.672.622.059	29.864.239.743
IV	Tài sản dở dang dài hạn	48.613.976.834	44.157.626.600
V	Đầu tư tài chính dài hạn	4.437.500.000	4.630.000.000
VI	Tài sản dài hạn khác	75.443.676.975	58.023.619.656
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.959.243.276.265	5.173.881.628.997
A	Nợ phải trả	1.864.488.178.296	1.036.616.453.045
I	Nợ ngắn hạn	1.790.292.694.239	965.949.656.404
II	Nợ dài hạn	74.195.484.057	70.666.796.641

STT	Khoản mục	01/01/2025 (VNĐ)	31/12/2025 (VNĐ)
B	Vốn chủ sở hữu	4.094.755.097.969	4.137.265.175.952
I	Vốn góp của chủ sở hữu	1.307.460.710.000	1.307.460.710.000
II	Thặng dư vốn cổ phần	6.778.948.000	6.778.948.000
III	Quỹ đầu tư phát triển	2.458.122.657.972	1.358.122.657.972
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	322.392.781.997	1.464.902.859.980

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

STT	Khoản mục	Năm 2024 (VNĐ)	Năm 2025 (VNĐ)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.714.422.855.630	6.136.905.368.338
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	829.555.200.538	869.942.684.288
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.884.867.655.092	5.266.962.684.050
4	Giá vốn hàng bán	2.747.101.521.942	2.760.593.928.931
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.137.766.133.150	2.506.368.755.119
6	Doanh thu hoạt động tài chính	148.119.966.008	133.235.749.052
7	Chi phí tài chính	89.739.210.554	81.590.241.255
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>24.810.529.888</i>	<i>25.635.277.644</i>
8	Chi phí bán hàng	904.667.099.165	1.157.316.021.444
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	312.823.418.686	396.384.204.006
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	978.656.370.753	1.004.314.037.466
11	Thu nhập khác	5.315.643.375	10.448.790.264
12	Chi phí khác	79.487.447.312	28.163.560.553
13	Lỗ khác	(74.171.803.937)	(17.714.770.289)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	904.484.566.816	986.599.267.177
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	127.031.756.728	141.835.055.480
16	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.467.309.872)	(7.589.895.885)
17	Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	778.920.119.960	852.354.107.582
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.763	6.308

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024 (VNĐ)	Năm 2025 (VNĐ)
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	904.484.566.816	986.599.267.177
2	Điều chỉnh cho các khoản:		
	Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”) và bất động sản đầu tư	169.695.469.422	119.007.964.694
	Các khoản dự phòng	5.075.762.608	40.739.512.459
	(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	324.569.255	(246.436.677)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	(139.127.459.803)	(120.582.609.948)
	Chi phí lãi vay	24.810.529.888	25.635.277.644
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	965.263.438.186	1.051.152.975.349
	Thay đổi các khoản phải thu	105.103.088.465	(54.940.769.666)
	Thay đổi hàng tồn kho	420.959.945.637	86.655.314.150
	Thay đổi các khoản phải trả	(21.510.218.626)	289.926.692.411
	Thay đổi chi phí trả trước	13.080.338.745	22.881.987.282
	Tiền lãi vay đã trả	(24.766.314.819)	(26.019.669.534)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(101.297.219.913)	(124.797.302.318)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(39.249.652.347)	(31.891.522.289)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.317.583.405.328	1.212.967.705.385
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(88.704.714.502)	(31.136.402.852)
2	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	967.727.000	1.239.777.570
3	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	(3.550.000.000.000)	(2.809.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	3.035.000.000.000	3.530.000.000.000
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	156.785.793.078	120.627.874.254
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(445.951.194.424)	811.731.248.972
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1	Tiền thu từ đi vay	1.708.084.671.223	1.321.447.304.923
2	Tiền trả nợ gốc vay	(1.630.335.302.369)	(1.971.361.221.337)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(980.595.532.500)	(1.307.460.710.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(902.846.163.646)	(1.957.374.626.414)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(31.213.952.742)	67.324.327.943
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	94.134.026.358	62.857.547.612
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(62.526.004)	(286.210.559)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	62.857.547.612	129.895.664.996

IV. MỘT SỐ TỶ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	77,26%	75,16%
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	22,74%	24,84%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,29%	20,04%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,71%	79,96%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,57	4,03
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,95	2,97
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,95%	16,18%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	12,91%	15,31%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,41%	20,71%

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT, UBKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Toshifumi Kojima

Số: 0286 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

002-G
NH
TNHH
ÁN
TE
AM
CHỈ M

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 24 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Thu Sang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2023-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN

DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Vòng Mỹ Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3460-2025-001-1

